UBND QUẬN TÂN BÌNH

TRƯỜNG THCS VÕ VĂN TẦN

SỔ THEO DÕI VÀ ĐÁNH GIÁ HỌC SINH

Họ và tên giáo viên: *Châu Huệ Hương*

Môn học: *Công nghệ*

NĂM HỌC 2020-2021

LỚP: 6A1 - MÔN: CÔNG NGHỆ - HỌC KỲ: 2

STT	HỌ VÀ TÊN		NỮ	Điểm TX					Điểm GK	Điểm CK	ĐTB	ĐTB CN	Nhận xét
1	Hoàng Ngọc Hải	Anh	x										
2	Nguyễn Ngọc Phương	Anh	x										
3	Nguyễn Trung	Anh	x										
4	Dương Hà Gia	Bảo											
5	Nguyễn Mai Gia	Bảo	x										
6	Nguyễn Thị Trúc	Chi	x										
7	Trần Tấn Nhân	Danh											
8	Nguyễn Lê Thùy	Dương	x										
9	Thân Ngọc	Điệp											
10	Doãn Hoàng	Giang											
11	Lê Ngọc Thanh	Hà	x										
12	Nguyễn Anh	Hoàng											
13	Đinh Thị Thanh	Huyền	x										
14	Trần Tuấn	Kiệt											
15	Huỳnh Nhật	Linh	x										
16	Vũ Lê Trúc	Linh	x										
17	Đào Kiến	Minh											
18	Trịnh Thảo	My	x										
19	Phạm Khánh	Ngân	x										
20	Phan Minh	Nhẫn											
21	Trần Thị Thảo	Nhi	x										
22	Nguyễn Trần Kiều	Oanh	x										
23	Nguyễn Huỳnh Gia	Phú											
24	Nguyễn Hoàng Nhật	Phúc											
25	Nguyễn Hữu	Phước											
26	Nguyễn Minh	Quang											
27	Nguyễn Phú	Sơn											
28	Trần Ngọc Bích	Tâm	x										
29	Phan Thúy	Thanh	x										
30	Trần Hòa Mộc	Thảo	x										
31	Dương Tuấn	Thịnh											
32	Dương Huỳnh Anh	Thư	x										
33	Phạm Trung	Tín											
34	Nguyễn Thanh	Tùng											
35	Lâm Đỗ Phương	Vy	x										

LỚP: 6A2 - MÔN: CÔNG NGHỆ - HỌC KỲ: 2

STT	HỌ VÀ TÊN		NỮ	Điểm TX					Điểm GK	Điểm CK	ĐTB	ĐTB CN	Nhận xét
1	Đoàn Ngọc Bảo	Anh											
2	Phạm Quỳnh	Anh	x										
3	Nguyễn Thị Trúc	Anh	x										
4	Hoàng Việt	Anh											
5	Nguyễn Đoàn Ngọc	Ánh	x										
6	Nguyễn Danh	Bảo											
7	Trương Ngọc Gia	Bảo											
8	Trần Ngọc Minh	Châu	x										
9	Trần Khánh	Chi	x										
10	Đới Anh	Đức											
11	Đỗ Nguyên Hiền	Giang	x										
12	Nguyễn Ngọc Khánh	Hà	x										
13	Nguyễn Đăng Ngọc	Hân	x										
14	Nguyễn Lê Nhật	Huy											
15	Trần Ngọc Trầm	Hương	x										
16	Hồ Dương Diễm	Kiều	x										
17	Trần Việt Hoàng	Linh	x										
18	Zebrine Leong Xiao	Linh	x										
19	Đào Phương	Nam	x										
20	Bùi Kim	Ngân	x										
21	Nguyễn Kha Bảo	Nghi	x										
22	Ninh Bảo	Ngọc	x										
23	Huỳnh Quang	Phát											
24	Dương Hoàng	Phúc											
25	Trần Nam	Phương	x										
26	Nguyễn Hải	Quân											
27	Nguyễn Văn	Tài											
28	Trương Quốc	Tấn											
29	Nguyễn Sanh Thanh	Thảo	x										
30	Đặng Ngọc Bảo	Thi	x										
31	Lê Vũ Ân	Thiên											
32	Tống Thị	Thu	x										
33	Huỳnh Thị Mỹ	Trinh	x										
34	Lữ Huỳnh Lâm	Uyên	x										
35	Nguyễn Ngọc Thúy	Vy	x										

LỚP: 6A3 - MÔN: CÔNG NGHỆ - HỌC KỲ: 2

STT	HỌ VÀ TÊN		NỮ	Điểm TX					Điểm GK	Điểm CK	ĐTB	ĐTB CN	Nhận xét
1	Nguyễn Thụy Quỳnh	Anh	x										
2	Trần Thái Tú	Anh	x										
3	Nguyễn Hoàng	Bách											
4	Nguyễn Hoàng	Bảo											
5	Nguyễn Anh	Bình											
6	Hoàng Diễm	Chi	x										
7	Huỳnh Phương	Duyên	x										
8	Nguyễn Phi	Đăng											
9	Nguyễn Minh	Đức											
10	Lê Nguyễn Trà	Giang	x										
11	Thái Gia	Huy											
12	Hoàng Nguyễn Minh	Khoa											
13	Trương Huỳnh Trúc	Linh	x										
14	Hoàng Kỳ	Long											
15	Ngô Trà	My	x										
16	Hồ Nguyễn Nhật	Nam											
17	Nguyễn Ngọc Bảo	Ngân	x										
18	Phạm Phương	Nghi	x										
19	Trần Nguyễn Minh	Ngọc	x										
20	Nguyễn Mai Phương	Nhi	x										
21	Nguyễn Hùng	Phát											
22	Lê Hoàng	Phúc											
23	Trần Hoàng	Phúc											
24	Trần Trúc	Phương	x										
25	Nguyễn Minh	Quý											
26	Nguyễn Thanh	Tâm	x										
27	Phạm Ngọc Quốc	Thái											
28	Trần Ngô Mỹ	Thư	x										
29	Hoàng Lê Bảo	Tiên	x										
30	Nguyễn Văn	Tuấn											
31	Lương Trần Khánh	Vân	x										
32	Nguyễn Lữ Tất	Vượng	x										
33	Phạm Ngọc Kiều	Vy	x										
34	Nguyễn Phúc	Yên	x										
35	Phạm Nguyễn Phi	Yến	x										

LỚP: 6A4 - MÔN: CÔNG NGHỆ - HỌC KỲ: 2

STT	HỌ VÀ TÊN		NỮ	Điểm TX					Điểm GK	Điểm CK	ĐTB	ĐTB CN	Nhận xét
1	Nguyễn Thị Khả	Ái	x										
2	Trần Nguyễn Châu	Anh	x										
3	Đặng Ngọc	Anh											
4	Nguyễn Mai Quỳnh	Anh	x										
5	Trần Quân	Bảo											
6	Dương Mai Duyên	Dáng	x										
7	Phan Thị Mỹ	Duyên	x										
8	Trương Quốc	Đạt											
9	Huỳnh Đanh	Hoài											
10	Trần Việt	Hoàng											
11	Phạm Nguyễn Gia	Huy											
12	Lý Ngọc Quỳnh	Hương	x										
13	Nguyễn Văn Minh	Khang											
14	Trần Hồ Hoàng	Khánh											
15	Nguyễn Tuấn	Khôi											
16	Trần Mai Thiên	Kim	x										
17	Nguyễn Thị Kim	Luyến	x										
18	Giang Văn	Minh											
19	Kim Ngô Hoàng	Ngân	x										
20	Phan Thanh	Nguyên											
21	Trần Hà Phụng	Nhi	x										
22	Phan Thị Ánh	Như	x										
23	Nguyễn Lê Tấn	Phát											
24	Phan Quốc	Phong											
25	Trần Gia	Phúc											
26	Bành Trúc	Phương	x										
27	Dương Nguyệt	Quế	x										
28	Trương Công	Sang											
29	Nguyễn Hiền	Tâm	x										
30	Trương Văn	Thịnh											
31	Nguyễn Ngọc Anh	Thư	x										
32	Võ Trung	Tiến											
33	Hoàng Nguyễn Mai	Trang	x										
34	Phan Đình	Trí											
35	Phan Hồng Thủy	Trúc	x										
36	Huỳnh Văn	Tuấn											
37	Võ Ngô Phương	Uyên	x										
38	Hứa Tú	Vương											
39	Nguyễn Trần Thảo	Vy	x										
40	Nguyễn Hoàng	Yến	x										

LỚP: 6A5 - MÔN: CÔNG NGHỆ - HỌC KỲ: 2

STT	HỌ VÀ TÊN		NỮ	Điểm TX					Điểm GK	Điểm CK	ĐTB	ĐTB CN	Nhận xét
1	Đặng Đức	An											
2	Đặng Nguyễn Hồng	Anh	x										
3	Lê Hoàng Thiên	Ân											
4	Huỳnh Trần Anh	Bin											
5	Nguyễn Thạch Ngọc	Duyên	x										
6	Trần Hoàng Hải	Điềm	x										
7	Phạm Đức	Hải											
8	Quách Ngọc	Hân	x										
9	Châu Nhật	Hoàng											
10	Đoàn Ngọc Thu	Hồng	x										
11	Phan Quốc	Huy											
12	Phạm Phan Phú	Khang											
13	Phan Thanh	Khiêm											
14	Phan Anh	Khôi											
15	Lê Nguyễn Tuấn	Kiệt											
16	Lê Lâm Vĩnh	Kỳ											
17	Liêu Ái	Linh	x										
18	Nguyễn Khánh	Linh	x										
19	Nguyễn Hữu Gia	Long											
20	Nguyễn Minh	Long											
21	Đoàn Thị Xuân	Mai	x										
22	Đào Trần Hiếu	Minh											
23	Lê Trần Thảo	My	x										
24	Huỳnh Ngọc Bảo	Ngân	x										
25	Hồ Thị Ánh	Ngọc	x										
26	Trần Hà Phương	Nhi	x										
27	Trương Thị Tuyết	Như	x										
28	Nguyễn Văn	Phát											
29	Lê Gia	Phú											
30	Trần Nguyễn Bảo	Phúc											
31	Nguyễn Trần Mai	Phương	x										
32	Phạm Trần Ngọc	Quý											
33	Đoàn Cao Thái	Sơn											
34	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	x										
35	Trương Hoàng	Thái	x										
36	Trương Thị Thanh	Thảo	x										
37	Nguyễn Phi	Thuận											
38	Nguyễn Ngọc Anh	Thư											
39	Hà Nguyễn Minh	Tin											
40	Nguyễn Bùi Quỳnh	Trang	x										
41	Trần Minh	Trí	x										
42	Nông Đức	Tuấn	x										
43	Huỳnh Đoàn Khánh	Vân	x										
44	Nguyễn Tăng	Vương											
45	Nguyễn Hoàng	Yến	x										

LỚP: 6A6 - MÔN: CÔNG NGHỆ - HỌC KỲ: 2

STT	HỌ VÀ TÊN		NỮ	Điểm TX					Điểm GK	Điểm CK	ĐTB	ĐTB CN	Nhận xét
1	Hồ Bình	An	x										
2	Trần Hoàng	An											
3	Nguyễn Ngọc Hà	Anh	x										
4	Đặng Thị Kim	Anh	x										
5	Trần Nguyễn Hồng	Ân											
6	Nguyễn Ngọc Thiên	Ân	x										
7	Đào Quốc	Bình											
8	Nguyễn Thành	Danh											
9	Võ Minh	Duy											
10	Phạm Hoàng Phú	Hải											
11	Võ Gia	Hân	x										
12	Đặng Thái	Hoàng											
13	Nguyễn Viết	Hùng											
14	Trần Đức	Huy											
15	Lê Nguyễn Hoàng	Huy											
16	Trần Xuân	Kevin											
17	Phan Duy	Khang											
18	Trịnh Gia	Khiêm											
19	Lê Ngọc Chi	Lan	x										
20	Nguyễn Ngọc Trúc	Linh	x										
21	Nguyễn Ngọc Vân	Long											
22	Đỗ Thị Thanh	Mai	x										
23	Lê	Minh											
24	Nguyễn Lê Trà	My	x										
25	Lê Thanh	Ngọc	x										
26	Trịnh Yến	Nhi											
27	Vũ Nguyễn Quỳnh	Như	x										
28	Trần Gia	Phát											
29	Trần Hoàng Minh	Phú											
30	Trần Nguyễn Hồng	Phúc	x										
31	Phạm Huỳnh Trúc	Phương	x										
32	Dương Văn	Quyền											
33	Nguyễn Hoàng	Sơn											
34	Lê Minh	Tân											
35	Nguyễn Minh	Thanh											
36	Nguyễn Tấn	Thịnh											
37	Nguyễn Thị Anh	Thư	x										
38	Tôn Thất	Tĩnh											
39	Lê Trần Quang	Triết											
40	Nguyễn Đăng	Trung											
41	Nguyễn Doãn Đức	Tuấn											
42	Huỳnh Thị Thảo	Vân	x										
43	Phan Uyên	Vy	x										
44	Hà Ngọc Như	Ý	x										
45	Nguyễn Hoàng	Yến	x										

LỚP: 6A7 - MÔN: CÔNG NGHỆ - HỌC KỲ: 2

STT	HỌ VÀ TÊN		NỮ	Điểm TX					Điểm GK	Điểm CK	ĐTB	ĐTB CN	Nhận xét
1	Lê Lý Thúy	An	x										
2	Đoàn Nguyễn Kỳ	Anh	x										
3	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Anh	x										
4	Nguyễn Thanh	Bình											
5	Phan Đặng Công	Danh											
6	Đặng Thái	Dương											
7	Lê Đình	Đồng											
8	Võ Phước	Hải											
9	Võ Trương Bảo	Hân	x										
10	Trương Đình	Huy											
11	Dương Bạch Gia	Huy											
12	Nguyễn Ngọc Hoàng	Kha											
13	Nguyễn Hoàng Mai	Khanh	x										
14	Lê Đăng	Khoa											
15	Bùi Trung	Kiên											
16	Vũ Lê Ngọc	Lan	x										
17	Phan Gia	Linh	x										
18	Trần Nguyễn Hoàng	Long											
19	Hồ Tâm	Mai	x										
20	Lê Nguyễn Tuấn	Minh											
21	Võ Phan Nhật	Nam											
22	Nguyễn Thị Thảo	Ngân	x										
23	Nguyễn Bảo	Ngọc	x										
24	Nguyễn Thị Ánh	Nguyệt	x										
25	Trương Hồ Tịnh	Nhi	x										
26	Đoàn Tấn	Phát											
27	Lai Hoàng	Phi											
28	Trần Hữu	Phú											
29	Lê Trần Đại	Phước											
30	Tô Phương	Phương	x										
31	Lê Thị Như	Quỳnh	x										
32	Bành Chí	Tài											
33	Lưu Minh	Tân											
34	Lê Phan Quốc	Thành											
35	Trần Quang	Thắng											
36	Đoàn Thị Bảo	Thi	x										
37	Tô Thị Minh	Thư	x										
38	Hoàng Huy	Toàn											
39	Nguyễn Thị Yến	Trang	x										
40	Phạm Minh	Triết											
41	Nguyễn Thành	Trung											
42	Trần Sỹ	Tuấn											
43	Phan Võ Thanh	Vy	x										
44	Đoàn Võ Thúy	Vy	x										
45	Nguyễn Nhật	Yến	x										

LỚP: 6A8 - MÔN: CÔNG NGHỆ - HỌC KỲ: 2

STT	HỌ VÀ TÊN		NỮ	Điểm TX					Điểm GK	Điểm CK	ĐTB	ĐTB CN	Nhận xét
1	Lê Quốc	An											
2	Nguyễn Tuấn	Anh											
3	Lê Hoàng Vân	Anh	x										
4	Phạm Minh	Bách											
5	Su Khang	Bình											
6	Đặng Hạ	Di	x										
7	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Giao	x										
8	Trần Thị Phương	Hạnh	x										
9	Nguyễn Thu	Hiền	x										
10	Lê Minh	Hoàng											
11	Nguyễn Quốc Gia	Hưng											
12	Nguyễn Gia	Khải											
13	Nguyễn Phúc Đăng	Khoa											
14	Đỗ Chấn	Kiên											
15	Phan Bùi An	Lạc											
16	Bùi Lâm	Lâm											
17	Đặng Tùng	Lâm											
18	Phó Diệu	Linh	x										
19	Vương Thanh Hoàng	Long											
20	Lê Huỳnh Thanh	Mai	x										
21	Trần Kim	Ngân	x										
22	Nguyễn Hoàng Bảo	Ngọc	x										
23	Hoàng Ngọc	Nhân											
24	Trương Nguyễn Ý	Nhi	x										
25	Hoàng Minh	Phát											
26	Lê Đỗ	Phi											
27	Trần Sơn	Phú											
28	Trần Nam	Phương	x										
29	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	x										
30	Dương Văn	Tài											
31	Bùi Triệu	Tấn											
32	Nguyễn Minh	Thành											
33	Nguyễn Bảo	Thiên											
34	Vũ Phương	Thùy	x										
35	Nguyễn Huỳnh Thu	Thủy	x										
36	Nguyễn Thị Anh	Thư											
37	Trần Anh	Thư	x										
38	Trần Quốc	Toản											
39	Đào Thị	Trâm	x										
40	Lê Ngọc Phương	Trinh	x										
41	Nguyễn Văn Chu	Trung											
42	Trương Quang	Tuấn											
43	Nguyễn Thị Thùy	Vân	x										
44	Bùi Lâm	Vy	x										
45	Hồ Ngọc Phương	Vy	x										

LỚP: 6A9 - MÔN: CÔNG NGHỆ - HỌC KỲ: 2

STT	HỌ VÀ TÊN		NỮ	Điểm TX					Điểm GK	Điểm CK	ĐTB	ĐTB CN	Nhận xét
1	Mai Gia	An											
2	Lê Phạm Quỳnh	Anh	x										
3	Nguyễn Trâm	Anh	x										
4	Đinh Gia	Bảo											
5	Trương Thanh	Bình	x										
6	Hàng Ngọc	Diệp	x										
7	Hồ Ngọc	Hà	x										
8	Đỗ Gia	Hân	x										
9	Lý Ngọc Minh	Hiệp											
10	Lê Việt	Hoàng											
11	Bùi Nguyễn Bích	Huyền	x										
12	Nguyễn Bảo	Khang											
13	Lương Hiểu	Khánh	x										
14	Phạm Huỳnh Đăng	Khoa											
15	Nguyễn Huỳnh Văn	Khoa											
16	Nguyễn Trung	Kiên											
17	Nguyễn Hải	Lâm											
18	Nguyễn Lê Ngọc	Mai	x										
19	Trương Ngọc Quỳnh	Mai	x										
20	Trần Ngọc Hà	My	x										
21	Nguyễn Bùi Nhật	Nam											
22	Lê Bảo	Nghi	x										
23	Nguyễn Lê Bảo	Ngọc	x										
24	Võ Thiện	Nhân											
25	Phạm Nguyên Minh	Nhật											
26	Văn Nguyễn Phương	Nhi	x										
27	Hồ Minh	Phát											
28	Lê Quốc	Phong											
29	Dương Đại	Phúc											
30	Đặng Minh	Quân											
31	Phan Khánh	Quỳnh	x										
32	Đinh Thành	Tài											
33	Vũ Minh	Thành											
34	Trần Vương Bảo	Thiên											
35	Trần Ngọc Minh	Thư	x										
36	Đỗ Thị Cẩm	Tiên	x										
37	Obiakonze Ogechukwu	Tong	x										
38	Lê Ngọc	Trâm	x										
39	Võ Nguyễn Tú	Trinh	x										
40	Tôn Thất Minh	Trung											
41	Phan Văn Nhật	Trung											
42	Phạm Tường	Vi	x										
43	Huỳnh Lê	Vy	x										
44	Võ Nguyễn Tường	Vy	x										

LỚP: 6A10 - MÔN: CÔNG NGHỆ - HỌC KỲ: 2

STT	HỌ VÀ TÊN		NỮ	Điểm TX					Điểm GK	Điểm CK	ĐTB	ĐTB CN	Nhận xét
1	Lê Phan Hoàng	Anh											
2	Nguyễn Việt	Anh											
3	Huỳnh Gia	Bảo											
4	Nguyễn Như Phương	Dung	x										
5	Nguyễn Ngọc	Dương											
6	Nguyễn Thái	Hà	x										
7	Huỳnh Gia	Hân	x										
8	Đỗ Thanh	Hiếu											
9	Nguyễn Đặng Xuân	Hoàng											
10	Huỳnh Gia	Huy											
11	Phan Ngọc	Huyền	x										
12	Nguyễn Hiếu Quốc	Khánh											
13	Phạm Vương Đăng	Khoa											
14	Huỳnh Hoàng Văn	Khôi											
15	Lê Văn Tuấn	Kiệt											
16	Đàm Thục	Lê	x										
17	Hà Thanh	Long											
18	Hồ Đức	Lộc											
19	Nguyễn Ngọc	Mai	x										
20	Nguyễn Nhật	Minh											
21	Tô Nguyễn Phương	Nghi	x										
22	Trần Bích	Ngọc	x										
23	Nguyễn Hữu Hoàng	Nhật											
24	Đặng Dương Tâm	Như	x										
25	Huỳnh Gia	Phát											
26	Nguyễn Thanh	Phong											
27	Hồ Trương Hoàng	Phúc											
28	Nguyễn Ngọc	Phương	x										
29	Lương Minh	Quân											
30	Trần Xuân	Quỳnh	x										
31	Huỳnh Nguyễn Thành	Tài											
32	Lương Phan Thanh	Thảo	x										
33	Nguyễn Đức	Thiện											
34	Ngô Nguyễn Kim	Thư	x										
35	Văn Ngọc Minh	Thư	x										
36	Lý Khánh	Tiên	x										
37	Nguyễn Thị Bảo	Trâm	x										
38	Bùi Đức	Trọng											
39	Huỳnh Lê Khả	Tú	x										
40	Huỳnh Thị Thanh	Tuyền	x										
41	Đinh Thi Vân	Uy	x										
42	Nguyễn Đức	Việt											
43	Lâm Thị Kim	Vy	x										
44	Hồ Huỳnh Như	Ý	x										